

Số: 124/2020/QĐST-HNGĐ

*Lục Nam, ngày 13 tháng 5 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Y, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị L.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị L thỏa thuận giao cho anh Nguyễn Văn P trực tiếp nuôi cả 02 con là: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 01/12/2008 và Nguyễn Bảo Q, sinh ngày 27/01/2013.

Về cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn chị Lê Thị L được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Lê Thị L thực hiện quyền này.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn P và chị Lê Thị L thỏa thuận anh P chịu cả 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh Nguyễn Văn P đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0004680 ngày 29/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Hoàn trả anh Nguyễn Văn P 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục Pc thẩm.

***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKS L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã C, huyện N, tỉnh Thanh Hóa;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**(đã ký)**

**Dương Thế Vinh**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NAM  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lục Nam, ngày 18 tháng 02 năm 2020*

Số: /2020/TL- Q□

**TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ**

Tại quyết định thuận tình ly hôn số: 35/QĐTTLH ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam về việc ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Quyên, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Quyền, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Phố Sàn, xã Phương Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM  
QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Lê Thị Quyên và anh Nguyễn Văn Quyền.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao chị Lê Thị Quyên trực tiếp nuôi cả 02 cháu Nguyễn Phương Anh, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Nguyễn Tiến Dũng, sinh ngày 21/4/2008. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn anh Nguyễn Văn Quyền được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Nguyễn Văn Quyền thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Lê Thị Quyên chịu cả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Lê Thị Quyên đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0004578 ngày 07/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Hoàn trả chị Lê Thị Quyên 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

**Ng- ời nhận:**

*Anh Quyền;*

*Chị Quyên;*

*Lưu.*

**THẨM PHÁN**

**Đặng Văn Bảo**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LỤC NAM  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Lục Nam, ngày 15 tháng 7 năm 2019*

Số: /2019/TL- Q□

**TRÍCH LỤC QUYẾT ĐỊNH DÂN SỰ**

Tại quyết định thuận tình ly hôn số: 102/QĐTTLH ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam về việc ly hôn giữa:

**Nguyên đơn:** Chị Trần Thị Mai, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn Hán, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**Bị đơn:** Anh Trần Doãn Thành, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn Hán, xã Bảo Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM**  
**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trần Thị Mai và anh Trần Doãn Thành.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Giao cho Chị Mai nuôi cả 3 con Trần Yến Vy, sinh ngày 03/7/2010, con Trần Phan Anh, sinh ngày 06/8/2012, con Trần Ngọc Diệp, sinh ngày 06/8/2012. Cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa abs ichung không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Thành có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Thành thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Trần Thị Mai nhận chịu cả án phí 150.000 đồng ( Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0003887 ngày 22/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Hoàn trả chị Mai 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp

**Ng- ời nhận:**

*Chị Mai;*

*Lưu.*

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Linh**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).